

Số: 434/TB-MNHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 05 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách III quý năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ quyết định số 645/QĐ-PGDĐT ngày 09/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thị xã Đông Triều “Phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí tự chủ) năm 2024”;

Căn cứ quyết định số 799/QĐ-PGDĐT ngày 27/08/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thị xã Đông Triều “Phê duyệt bổ sung dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024”;

Căn cứ tình hình thực hiện thu-chi nguồn ngân sách 3 Quý năm 2024 của trường Mầm non Hồng Thái Đông.

Nhà trường thông báo công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 Quý năm 2024 (theo biểu mẫu số 3 ngày 05/10/2024 đính kèm)

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

Địa điểm niêm yết:

+ Bảng tin trường Mầm non Hồng Thái Đông.

+ Địa chỉ trang điện tử: mnhongthaidong.dongtrieu.edu.vn

Nơi nhận:

- Phòng TCKH TX Đông Triều,
- Phòng GD&ĐT TX Đông Triều;
- BGH nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Miến

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MN HỒNG THÁI ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622-070-071

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Thái Đông, ngày 05 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH III QUÝ NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Hồng Thái Đông công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 3 quý năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024 + Bổ sung	Thực hiện 3 quý năm 2024	Thực hiện 3 quý năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện 3 quý năm 2024 so với 3 quý năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	355,900	190,250	53,46	
1	Lệ phí				
2	Phí	355,900	190,250	53,46	
	Học phí	355,900	190,250	53,46	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	355,900	-	0,00	
I	Chi sự nghiệp	355,900	-	0,00	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	355,900	-	0,00	
	Chi thanh toán cá nhân	213,540	-	0,00	
	Mục 6000: Tiền lương	213,540	-	0,00	
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		-		
	Mục 6200: Tiền thưởng		-		
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể		-		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp		-		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	121,360	-	0,00	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	20,000			
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	24,000	-		
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024 + Bổ sung	Thực hiện 3 quý năm 2024	Thực hiện 3 quý năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện 3 quý năm 2024 so với 3 quý năm 2023 (tỷ lệ %)
	Mục 6650: Hội nghị		-		
	Mục 6700: Công tác phí		-		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	20,000	-		
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	32,000	-		
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	25,360	-	0,00	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		-		
	Các khoản chi khác	21,000	-		
	Mục 7750: Chi khác	21,000	-		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.325,056	4.947,648	78,22	149,54
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.325,056	4.947,648	78,22	149,54
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.325,056	4.947,648	78,22	149,54
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.026,308	4.648,900	77,14	143,08
a	Chi thanh toán cá nhân	5.008,348	4.166,093	83,18	154,74
	Mục 6000: Tiền lương	2.629,272	2.103,829	80,02	133,36
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.592,358	1.387,747	87,15	198,31
	Mục 6150: Hỗ trợ cho cán bộ đi học				
	Mục 6200: Tiền thưởng	19,440	25,272	130,00	133,71
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	12,000	2,400	20,00	53,33

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024 + Bổ sung	Thực hiện 3 quý năm 2024	Thực hiện 3 quý năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện 3 quý năm 2024 so với 3 quý năm 2023 (tỷ lệ %)
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	755,278	646,845	85,64	165,21
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-			
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	823,803	377,690	45,85	96,19
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	102,803	57,264	55,70	109,78
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	80,000	71,935	89,92	271,63
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	12,000	12,627	105,23	195,13
	Mục 6650: Hội nghị	5,000			
	Mục 6700: Công tác phí	17,000	13,720	80,71	185,28
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	67,000	13,312	19,87	20,72
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	290,000	88,918	30,66	67,61
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	15,000	-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	225,000	119,914	53,30	114,88
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10,000		0,00	
c	Các khoản chi khác	194,157	105,117	54,14	63,97
	Mục 7750: Chi khác	194,157	105,117	54,14	63,97
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	298,748	298,748	100,000	502,994
a	Chi thanh toán cá nhân	-	-		-
	Mục 6100: Phụ cấp lương		-		-
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học		-		-
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	298,748	298,748	100,00	1.910,15
	Mục 6550: Vật tư văn phòng				-
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				-
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	119,808	119,808	100,00	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	11,190	11,190	100,00	110,85
	Mục 7750: Chi khác	167,750	167,750	100,00	3.025,25



Hiệu trưởng

Vũ Thị Miên